

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST
Ngày: 28-04-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đại

Ông Hà Lương Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Thắng** - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/04/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2021/TLST-HS ngày 05/04/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 04 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu K; Sinh ngày: 13/12/1964, tại huyện H, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu VH, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn Kh (đã chết) và bà Phạm Thị T, SN 1939;

Vợ: Hoàng Thụy V, SN 1970; Con: Có 02 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1996);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 26/10/2016, Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi bán băng đề, mức phạt 1.500.000đ. Bị cáo đã nộp phạt xong ngày 27/10/2016.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ từ ngày 21/01/2021 đến ngày 17/03/2021, hiện tại ngoại. (Có mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Vũ Xuân Q, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu TT, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu 3, xã PL huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu VH, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

- Anh Triệu Minh Đ, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu VH, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

** Người làm chứng:* Anh Lê Hồng T1, Sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu DT, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 17 giờ 20 phút ngày 14/01/2021, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại quán bán hàng của Nguyễn Hữu K, sinh năm 1964 ở khu VH, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ có hoạt động mua, bán số lô, số đề. Công an huyện Đ đã tiến hành kiểm tra và phát hiện K cùng anh Vũ Xuân Q, sinh năm 1980 ở khu TT, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ và anh Lê Hồng T1, sinh năm 1988 ở khu DT, xã Ph, huyện Đ đang ngồi tại bàn uống nước trong quán, trên bàn có 01 bút bi mực đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen lắp sim số 0372.733.xxx. Quá trình làm việc K và anh Q thừa nhận K vừa bán cho anh Q 3.610.000đ tiền số lô, số đề. Anh T1 không mua số lô, số đề của K. Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản làm việc, tạm giữ của K 01 ví giả da màu nâu bên trong có tổng số tiền 6.355.000đ cùng chiếc bút bi và chiếc điện thoại nói trên, tạm giữ của anh Q 01 mảnh vỏ bao thuốc lá Thăng Long không rõ hình trên mặt có ghi các số tự nhiên mà anh Q khai là các số lô, số đề ghi sẵn từ nhà để đến mua của K cùng số tiền 40.000đ mà K cho lại anh Q đồng thời triệu tập các đối tượng đến làm việc, tiến hành điều tra, làm rõ toàn bộ nội dung vụ án như sau:

Nguyễn Hữu K có mở quán kinh doanh dịch vụ bi-a và bán nước giải khát tại khu VH, xã T, huyện Đ. Khoảng đầu tháng 01/2021, do nhận thấy việc bán số lô, số đề thu lợi nhuận cao nên K nảy sinh ý định bán số lô, số đề để kiếm lời và nói ý định này cho một số khách đến quán của mình biết. Việc mua bán sẽ được thực hiện trực tiếp hoặc thông qua tin nhắn đến số thuê bao 0372.733.xxx lắp trong máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 của K. K không ghi cấp lô, đề mà ghi số lô, số đề vào mục tin nhắn nháp trong chiếc điện thoại Nokia 105 trên để theo dõi. K quy định hình thức mua, bán số lô, số đề với người chơi cụ thể như sau:

Số lô, số đề là các số tự nhiên có 02 chữ số từ 00 đến 99, do người chơi tự chọn. Mỗi điểm lô giá 23.000đ. Căn cứ để xác định đánh bạc thắng hay thua dựa vào

kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng hàng ngày. Người chơi trúng số đề nếu mua trùng với 02 số cuối cùng của giải đặc biệt và được trả gấp 70 lần (tức 1.000đ được 70.000đ). Người chơi trúng số lô nếu mua trùng với 02 số cuối cùng của tất cả các giải từ giải đặc biệt đến giải bảy và được trả 80.000đ/ 1 điểm lô. Sau khi có kết quả xổ số, nếu người chơi trúng, K sẽ trả tiền theo như thỏa thuận, nếu người chơi không trúng thì mất toàn bộ số tiền đã mua số lô, số đề cho K.

Từ khi nảy sinh ý định đến ngày 12/01/2021, K không bán được số lô, số đề cho người nào.

Ngày 13/01/2021, anh Vũ Xuân Q đến quán của K uống nước và hỏi mua của K 75 điểm lô = 1.725.000đ. Anh Q đã thanh toán cho K đủ số tiền trên. Sau khi đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền bắc cùng ngày, anh Q không trúng thưởng.

Đến ngày 14/01/2021, K bán số lô, số đề cho 04 người với tổng số tiền là 6.130.000đ, cụ thể:

Bán cho anh Nguyễn Quốc H1 sinh năm 1975 ở cùng khu 10 điểm lô = 230.000đ. Anh H1 đã thanh toán cho K đủ số tiền trên.

Bán cho anh Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1971 ở khu 3, xã PL, huyện Đ 10 điểm lô = 230.000đ, 09 số đề = 170.000đ thông qua tin nhắn từ số thuê bao 0337.471.xxx của anh H đến số thuê bao 0372.733.xxx của K. Anh H chưa thanh toán tổng số tiền 370.000đ mua số lô, số đề cho K.

Bán cho anh Triệu Minh Đ, sinh năm 1982 ở cùng khu 80 điểm lô = 1.840.000đ và 01 số đề = 40.000đ. Anh Đ đã thanh toán đủ cho K tổng số tiền 1.880.000đ.

Bán cho anh Vũ Xuân Q 150 điểm lô = 3.450.000đ và 02 số đề = 200.000đ. K trích cho anh Q 40.000đ tiền hoa hồng và anh Q đã thanh toán đủ tổng số tiền 3.610.000đ cho K. Khi K vừa bán số lô, số đề cho anh Q xong thì bị Công an huyện Đ kiểm tra, phát hiện và lập biên bản như trên.

Xét thấy hành vi đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề của Nguyễn Hữu K trong ngày 14/01/2021 đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc theo khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với K.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng liên quan đều thừa nhận hành vi mua số lô, số đề với K. Anh Nguyễn Tuấn H tự nguyện nộp lại số tiền 370.000đ chưa thanh toán khi mua số lô, số đề. K tự nguyện nộp lại số tiền 1.090.000đ có được do bán số lô, số đề. Riêng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo lắp sim số 0337.471.xxx mà anh H sử dụng để nhắn tin mua số lô, số đề của K, sau khi biết K bị điều tra, anh H đã vứt bỏ, không rõ ở đâu nên không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số: 12/CT - VKSDH ngày 02/04/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo: Nguyễn Hữu K về tội "Đánh bạc" theo quy định tại Khoản 1- Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội "Đánh bạc"

Áp dụng: Khoản 1- Điều 321, Điểm i, s - Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ

luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu K từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo 05% thu nhập hàng tháng.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b - Khoản 1 - Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2, Điểm a - Khoản 3 - Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.130.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt nam (gồm số tiền 5.720.000đ của K, 40.000đ của anh Q tự nguyện giao nộp, và 370.000đ của anh H tự nguyện giao nộp.)

Tịch thu bán nộp sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 của K.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số: 0372.733.xxx.

Trả lại cho bị cáo K: 01 (Một) chiếc bút bi mực đen; 01 ví giả da.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 - Điều 136 BLTTHS; Điểm a - Khoản 1 - Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, đối tượng ghi số lô, số đề, thời gian, địa điểm, vật chứng cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 14/01/2021, tại quán bán hàng của mình ở Khu VH, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, K đã có hành vi đánh bạc thông qua hình thức ghi số lô, số đề cho 04 người gồm: Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Tuấn H, Triệu Minh Đ và Vũ Xuân Q với tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 6.130.000đ (Sáu triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Vì vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Hữu K về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1- Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nH1 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[2] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc loại tội ít nghiêm trọng. Nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm i, s - Khoản 1 - Điều 51 của Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo là lao động tự do có thu nhập hàng tháng khoảng từ hai đến ba triệu đồng. Do đó, có thể cho bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập từ 5% đến 10% là phù hợp.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 3 - Điều 321 của Bộ luật hình sự: Bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét thấy bị cáo có tài sản là nhà, đất nH1 là tài sản chung của vợ chồng, ngoài ra bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: Xét thấy số tiền 6.130.000đ tiền ngân hàng Nhà nước Việt nam. Cơ quan Điều tra đã thu giữ là tiền sử dụng vào việc đánh bạc và thu lời bất chính từ việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen (của bị cáo) là công cụ phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 sim điện thoại số thuê bao 0372.733.xxx không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ là phù hợp với pháp luật.

Đối với 01 chiếc bút bi, 01 ví giả da là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với pháp luật.

[5] Quá trình điều tra Nguyễn Quốc H1, Nguyễn Tuấn H, Triệu Minh Đ, Vũ Xuân Q đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc ghi số lô, số đề phù hợp với nội dung khai thác trên điện thoại, băng đề và lời khai của bị cáo K, đối với những người này do số tiền tham gia đánh bạc đều chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặt khác nhân thân đều chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về các hành vi đánh bạc, gá bạc hoặc tổ chức đánh bạc. Vì vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển đến Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt hành chính đối với các đối tượng trên là phù hợp với pháp luật.

[6] Đối với hành vi đánh bạc của K ngày 13/01/2021, do số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này mà chuyển Công an huyện Đ để xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[7] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu K phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu K 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày bản sao bản án và quyết định thi hành án giao cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh P. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện Đ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Khấu trừ thu nhập: Bị cáo phải nộp sung quỹ Nhà nước mỗi tháng là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng. Số tiền bị cáo phải nộp khấu trừ thu nhập tương ứng với thời gian mà bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2, Điểm b Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 6.130.000đ (Sáu triệu một trăm ba mươi nghìn đồng), tiền Ngân hàng Nhà nước Việt nam. *(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 05/04/2021 của kho bạc huyện Đ, tỉnh P).*

Tịch thu bán sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen có số seri 354492092566562.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số thuê bao 0372733xxx,

Trả lại cho bị cáo K 01 (một) chiếc bút bi dài 14 cm, vỏ màu trắng, mực màu đen; 01 ví giả da 2 ngăn, màu nâu, kích thước 24cm x 9,5cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/04/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Phú Thọ).

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 - Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a - Khoản 1 - Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án dân sự, nếu không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7a, Điều 9 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản sao bản án giao cho họ hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKS ND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- Thi hành án DS huyện;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu HSVA; VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Khanh